

**DANH SÁCH SINH VIÊN BẬC ĐẠI HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH  
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026 (DỰ KIẾN)**

*\* Sinh viên lưu ý đây là kết quả dự kiến, kết quả chính thức có thể sẽ có thay đổi, cập nhật sau thời gian sinh viên khiếu nại!*

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
1	22110014	Đậu Quang Anh	18	18	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
2	22110018	Trần Phạm Quốc Anh	19	19	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
3	22110038	Trần Thành Đạt	14	14	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
4	22110049	Đỗ Tiền Hải	17	14	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
5	22110081	Lê Đặng Gia Khánh	15	15	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
6	22110116	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
7	22110202	Lý Quang Thắng	15	15	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
8	22110228	Đào Trọng Toàn	16	16	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
9	22110239	Lê Minh Trọng	18	18	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
10	22110264	Nguyễn Văn Anh Vũ	14	14	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	22
11	22120067	Lâm Hồng Anh Đức	14	14	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
12	22120080	Nguyễn Minh Duy	12	12	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
13	22120097	Nguyễn Anh Hào	16	16	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
14	22120110	Đặng Minh Hoàng	16	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
15	22120147	Bùi Trần Quang Khải	16	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
16	22120160	Bùi Lê Anh Khoa	12	12	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
17	22120186	Huỳnh Tấn Lộc	18	18	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
18	22120197	Nguyễn Vinh Lương	22	22	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
19	22120199	Trần Lượng	12	12	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
20	22120201	Huỳnh Mẫn	14	14	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
21	22120212	Trần Đức Minh	12	12	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
22	22120213	Đoàn Thị Minh Anh	15	12	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
23	22120280	Phan Hồng Phúc	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
24	22120290	Lê Minh Quân	12	12	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
25	22120301	Nguyễn Trung Quốc	12	12	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
26	22120368	Phan Thanh Tiến	20	20	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
27	22120406	Võ Anh Tuấn	12	12	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	22
28	22130029	Nguyễn Hải Đăng	14	14	9,77	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	22
30	22130077	Nguyễn Văn Khang	14	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	22
31	22130134	Lâm Tâm Như	14	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	22
32	22130153	Quách Thiệu Sâm	16	16	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	22
34	22130177	Phan Lê Minh Thuận	16	16	9,33	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học	22
35	22130211	Lương Tiểu Tuệ	14	14	9,28	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học	22
29	22130040	Cao Khánh Duy	23	20	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	22
33	22130157	Lê Bá Sơn	18	18	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	22
36	22140009	Dương Trịnh Thế Anh	15	15	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
37	22140030	Lê Lan Chi	22	22	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
38	22140102	Thái Minh Lập	15	15	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
39	22140108	Nguyễn Ngọc Gia Linh	15	15	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
40	22140131	Trần Minh Ngọc	18	15	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
41	22140134	Trần Xuân Nguyên	15	15	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
42	22140161	Trần Minh Phúc	15	15	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
43	22140191	Nguyễn Thị Thạch Thảo	15	15	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22
44	22140232	Dương Mạnh Tường	12	12	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học	22

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
45	22150035	Tạ Thị Hằng	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
46	22150040	Nguyễn Thu Hiền	17	14	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
47	22150067	Lê Nhật Minh	15	14	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
48	22150128	Huỳnh Hoàng Tú	15	12	8,32	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
49	22160015	Nguyễn Trần Trọng	19	16	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Địa chất học
50	22170003	Lê Thị Vân Anh	14	14	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
51	22170050	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	14	14	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
52	22170059	Võ Thị Hồng Thắm	14	14	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
53	22180020	Lê Trọng Bằng	14	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
54	22180029	Hoàng Linh Chi	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
55	22180032	Nguyễn Đặng Chí Cường	14	14	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
56	22180059	Ninh Giao Mỹ Hằng	14	14	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
57	22180061	Nguyễn Thị Hiền	18	15	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
58	22180071	Nguyễn Gia Huy	14	14	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
59	22180123	Phan Vũ Gia Nghi	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
60	22180124	Võ Hà Phương Nghi	15	15	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
61	22180197	Hà Cẩm Thùy	10	10	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
62	22190001	Võ Thúy An	14	14	8,94	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
63	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo Hân	14	14	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
64	22190070	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	14	14	9,46	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
65	22190076	Phạm Việt Tâm	14	14	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
66	22200019	Lê Phong Cảnh	16	16	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
67	22200063	Phạm Trọng Hoàng	16	16	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
68	22200104	Võ Ngô Anh Minh	16	13	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
69	22200135	Phạm Phương Quỳnh	25	16	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
70	22200164	Phạm Ngọc Trâm	16	13	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
71	22200183	Nguyễn Quốc Việt	16	16	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
72	22210009	Nguyễn Thị Ngân	15	15	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
73	22220012	Võ Hoàng Duy	15	15	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường

fgfd

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

22

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
74	22220039	Trần Huy Nhon	15	15	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	22
75	22220055	Nguyễn Lê Tâm Thi	17	15	8,71	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	22
76	22230041	Nguyễn Văn Thiêm	17	14	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân	22
77	22230044	Dư Bảo Trâm	14	14	9,55	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật hạt nhân	22
78	22250026	Nguyễn Xuân Khôi	15	15	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	22
79	22250043	Trần Quốc Sơn	18	15	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	22
80	22260001	Lê Tuấn Anh	15	15	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	22
81	22260046	Nguyễn Nhật Trịnh	15	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	22
82	22270004	Trần Lệ Yến Chi	15	15	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất	22
83	22280034	Trương Minh Hoàng	18	18	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	22
84	22280037	Nguyễn Thị Xuân Hương	12	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	22
85	22280040	Trần Gia Huy	12	12	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	22
86	22280072	Vũ Ngọc Phương	12	12	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	22
87	22290022	Phạm Thị Nhị	19	19	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	22
88	22290026	Lữ Thị Như Quỳnh	19	19	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	22
89	22290034	Hoàng Mai Trang	22	19	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	22
90	23110004	Phạm Quỳnh Anh	19	19	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
91	23110019	Nguyễn Đỗ Gia Huy	22	22	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
92	23110072	Lê Vũ Thành Đạt	20	20	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
93	23110075	Nguyễn Ngọc Đức	20	20	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
94	23110126	Nguyễn Hoàng Vũ Nguyên	25	25	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
95	23110131	Lê Thị Ngọc Anh	23	23	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
96	23110159	Hà Thị Nam Hương	19	19	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23
97	23110206	Đình Nhật Tân	21	21	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	23

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
98	23120003	Võ Hàn Trân Châu	20	20	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
99	23120004	Nguyễn Trọng Doanh	16	16	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
100	23120009	Nguyễn Thanh Khôi	20	20	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
101	23120015	Huỳnh Quốc Huy	20	20	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
102	23120023	Nguyễn Thái Bảo	20	20	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
103	23120038	Lê Hoàng Mỹ Hạ	16	16	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
104	23120075	Trần Đức Quân	20	20	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
105	23120085	Nguyễn Quốc Thắng	20	20	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
106	23120098	Hoàng Kim Trí	20	20	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
107	23120108	Vòng Hải Yến	20	20	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
108	23120150	Võ Thành Nhân	20	20	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
109	23120173	Khổng Đức Tiến	20	20	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
110	23120181	Lê Văn Trường	20	20	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
111	23120199	Huỳnh Đức Thịnh	22	22	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
112	23120200	Nguyễn Hưng Thịnh	20	20	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
113	23120254	Trịnh Thị Thu Hiền	20	20	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
114	23120255	Lê Tấn Hiệp	20	20	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
115	23120293	Đỗ Duy Lợi	20	20	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	23
116	23122030	Phạm Phú Hòa	20	20	9,94	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo	23
117	23122044	Trần Chí Nguyên	20	20	9,92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo	23
118	23130002	Lê Gia Bảo	21	18	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học	23
120	23130036	Phạm Thị Hồng Nhung	16	16	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	23
121	23130040	Nguyễn Trọng Quang	19	19	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	23
122	23130106	Diệp Thiên Du	16	16	9,06	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học	23
123	23130119	Nguyễn Minh Hải	16	16	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	23
124	23130137	Võ Hoàng Khang	16	16	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học	23
125	23130187	Trần Lê Yến Nhi	17	17	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	23
126	23130199	Võ Chúc Phong	19	19	9,53	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học	23
127	23130230	Phạm Huỳnh Thụy Thảo	16	16	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	23

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
129	23137003	Nguyễn Trần Gia Bảo	21	18	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
119	23130030	Trần Thị Cẩm Ly	19	19	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
128	23130256	Nguyễn Văn Trường	19	19	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
130	23140003	Vũ Văn Hoàng	17	17	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
131	23140023	Nguyễn Phạm Minh Trí	19	19	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
132	23140025	Bùi Nguyễn Quang Tuấn	21	21	8,35	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
133	23140035	Nghi Bích Hoàng	19	19	8,45	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
134	23140036	Phạm Đăng Nguyên Khôi	17	17	8,63	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
135	23140123	Nguyễn Phan Thanh Lam	17	17	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
136	23140128	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	17	17	8,4	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
137	23140130	Phan Tấn Lộc	19	19	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
138	23140137	Đinh Thị Ly Ly	17	17	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
139	23140182	Trần Anh Quân	17	17	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
140	23150004	Hồ Nguyễn Trâm Anh	19	16	8,08	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
141	23150009	Nguyễn Phương Dung	18	18	8,35	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
142	23150036	Lê Ngọc Minh Thư	16	16	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
143	23150051	Vũ Phi Long	18	18	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
144	23150078	Phạm Thị Thùy Dung	21	14	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
145	23150097	Nguyễn Thị Huyền	14	14	8,39	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
146	23150132	Nguyễn Thị Kim Ngân	19	16	8,18	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
147	23150191	Nguyễn Bích Kiều Thương	20	17	8,14	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
148	23160007	Nguyễn Lê Thảo Tiên	14	14	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Địa chất học
149	23170008	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	18	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
150	23170019	Võ Thị Hồng Ánh	18	18	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
151	23170049	Tạ Thị Như Mai	18	18	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
152	23170072	Nguyễn Trần Mai Quỳnh	18	18	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
153	23180001	Trần Thị Mỹ Tâm	19	19	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
154	23180022	Lương Trung Phong	21	21	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
155	23180029	Huỳnh Thanh Tuyền	19	19	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học

fgfd

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

23

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
156	23180042	Nguyễn Văn Khoa	19	19	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học	23
157	23180075	Nguyễn Quốc Bảo	14	14	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học	23
158	23180080	Đoàn Thanh Cường	16	16	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học	23
159	23180103	Đỗ Trọng Hiếu	14	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học	23
160	23180198	Đặng Thị Hà Trang	18	18	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học	23
161	23190004	Nguyễn Hồng Hạnh	18	18	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu	23
162	23190079	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	18	18	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu	23
163	23190122	Phạm Thị Xuân Uyên	18	18	8,73	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu	23
164	23197004	Nguyễn Phước Huy Long	18	18	8,67	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu	23
165	23200015	Hồ Quốc Huy	17	14	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
166	23200025	Đỗ Gia Min	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
167	23200033	Nguyễn Anh Tuấn	14	14	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
168	23200066	Trần Hoàng Bảo	17	17	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
169	23200087	Trần Quang Hữu	17	17	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
170	23200141	Đỗ Mỹ Thắm	14	14	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
171	23200164	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	14	14	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23
172	23210011	Cao Mạnh Nhất	15	15	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Hải dương học	23
173	23220001	Lê Từ Mỹ	20	20	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	23
174	23220049	Hồ Minh Sang	20	20	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	23
175	23230011	Lê Hoàng Phúc	19	16	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân	23
176	23250013	Lê Thị Ngọc Ánh	18	18	8,52	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	23
177	23250028	Nguyễn Hoàng Vinh Khang	18	18	8,5	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	23
178	23250039	Trần Võ Trà My	21	18	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	23
179	23260001	Nguyễn Kiến Nguyên	17	17	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	23
180	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	17	17	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	23
181	23260052	Âu Trí Viễn	17	17	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	23
182	23270006	Phạm Đặng Nhựt Khiêm	17	17	8,37	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất	23
183	23280007	Nguyễn Quang Lập	23	23	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	23
184	23280015	Nguyễn Triều Dương	20	20	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	23

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
185	23280025	Đặng Trọng Bảo Thi	23	23	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	23
186	23290002	Nguyễn Lê Chánh	18	18	9,33	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	23
187	23290018	Lê Trần Ngọc Anh	18	18	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	23
188	23290044	Ngô Phạm Tuyết Nhi	18	18	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	23
189	23290075	Trần Minh Tiền	18	18	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	23
190	24110007	Phạm Quốc Bình	28	24	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
191	24110032	Ngô Hoàng Lực	23	19	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
192	24110036	Nguyễn Hoàng My	25	21	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
193	24110088	Bùi Quang Khôi	28	21	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
194	24110137	Nguyễn Quốc Đạt	27	23	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
195	24110141	Trần Tấn Đạt	29	25	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
196	24110164	Đặng Phước Hùng	29	25	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
197	24110179	Huỳnh Thế Khải	29	25	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
198	24110190	Nguyễn Anh Khôi	26	22	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
199	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	25	21	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
200	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	25	21	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học	24
201	24120040	Dương Hoài Đức	25	21	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
202	24120053	Đặng Ngọc Hoàng	27	23	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
203	24120103	Hoàng Trọng Nghĩa	26	22	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
204	24120144	Dương Ngọc Minh Thư	29	21	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
205	24120151	Phạm Minh Trọng	25	21	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
206	24120152	Trần Ngọc Thanh Tú	24	16	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
207	24120158	Phan Tấn Vượng	25	21	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
208	24120168	Đoàn Ngọc Bảo	25	21	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
209	24120170	Phạm Gia Bảo	25	21	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
210	24120209	Vân Hoàng Nhật	26	22	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
211	24120215	Nguyễn Ngọc Phúc	25	21	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
212	24120248	Phí Hoàng Đức	28	24	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24
213	24120280	Phan Hữu Danh	27	23	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	24

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
214	24120290	Lê Tấn Dũng	29	25	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
215	24120327	Trịnh Đỗ Minh Huy	26	22	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
216	24120359	Trần Tuấn Kiệt	27	23	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
217	24120416	Đoàn Thế Phùng	25	21	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
218	24120438	Trần Nguyên Tân	26	22	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
219	24120457	Huỳnh Chí Thoại	26	22	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
220	24122002	Đình Như Phát	29	25	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
221	24122033	Trần Trung Hiếu	23	19	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
222	24130018	Lê Hữu Hoàng	26	22	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
224	24130039	Trần Văn Khoa	26	22	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
225	24130055	Phạm Hoàng Nam	28	24	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
227	24130086	Nguyễn Hoàng Thanh Uyên	24	20	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
229	24130176	Nguyễn Thanh Hiền	26	22	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
231	24130248	Hồ Minh Quang	26	22	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
232	24130277	Nguyễn Minh Trọng	31	22	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
233	24130281	Nguyễn Ngọc Anh Tú	26	22	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
223	24130022	Nguyễn Quách Vinh Hưng	22	18	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
228	24130095	Ôn Gia Bảo	22	18	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
226	24130064	Nguyễn Hữu Phước	22	18	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
230	24130222	Nguyễn Thành Nam	20	16	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
234	24140001	Thân Tú Đan	24	20	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
235	24140002	Nguyễn Đức Hiền	24	20	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
236	24140003	Nguyễn Lê Huy Hoàng	26	22	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
237	24140005	Lê Anh Trung	26	22	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
238	24140007	Đào Trọng Nhân	24	20	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
239	24140013	Võ Đình Dương	26	22	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
240	24140038	Võ Minh Trúc	22	18	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
241	24140139	Nguyễn Đức Khôi	22	18	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
242	24140189	Nguyễn Đức Phú	24	20	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học

fgfd

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
243	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	28	22	8,57	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
244	24150116	Võ Minh Khiêm	26	22	8,2	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
245	24150119	Nguyễn Hoàn Tuyệt Nhi	26	22	8,17	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
246	24150121	Nguyễn Huỳnh Quốc Thanh	26	22	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
247	24150139	Nguyễn Hồng Đức	24	20	8,26	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
248	24150175	Nguyễn Trọng Nghĩa	28	24	8,08	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
249	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	23	19	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
250	24150189	Lê Đặng Hoàng Oanh	26	22	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
251	24150205	Trương Thị Bé Thi	27	23	8,14	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
252	24160026	Vũ Dương Thùy Linh	22	18	8,42	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
253	24160037	Huỳnh Tiến Thanh	22	18	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
254	24170004	Nguyễn Khánh Đan	22	18	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
255	24170008	Nguyễn Quỳnh Hoa	22	18	8,24	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
256	24170049	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	22	18	8,14	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
257	24170068	Nguyễn Văn Hậu	22	18	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
258	24170094	Lê Nguyễn Gia Lân	22	18	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
259	24170095	Trần Trung Lập	22	18	8,31	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
260	24170156	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	22	18	8,16	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
261	24180001	Huỳnh Minh Khôi	23	19	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
262	24180002	Lê Hoàng Trung	28	24	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
263	24180003	Phan Nhật Trường	28	24	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
264	24180039	Phạm Đặng Hoàng Trân	24	20	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
265	24180043	Nguyễn Lê Vy Uyên	25	21	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
266	24180044	Bùi Thùy Vân	26	22	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
267	24180050	Huỳnh Thị Ngọc Diệu	28	24	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
268	24180056	Nguyễn Minh Ngọc	26	22	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
269	24180118	Nguyễn Huỳnh Khang	24	20	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
270	24190009	Nguyễn Bảo Khang	23	19	8,64	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
271	24190032	Nguyễn Thị Thanh Hoài	25	21	8,72	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu

fgfd

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
272	24190034	Vương Huỳnh Minh Phương	23	19	8,65	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
273	24190096	Nguyễn Thị Hương Mơ	23	19	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
274	24190139	Lê Thị Huyền Thương	23	19	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
275	24190150	Nguyễn Xuân Trường	23	19	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
276	24200016	Lưu Gia Bảo	21	17	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
277	24200021	Bùi Văn Vương Em	19	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
278	24200047	Lưu Gia Bảo	21	17	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
281	24200107	Nguyễn Phú Khương	20	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
283	24200149	Đoàn Thanh Phúc	20	16	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
279	24200087	Huỳnh Ngọc Huy	20	16	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
280	24200094	Phan Tấn Khải	20	16	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
282	24200126	Lữ Gia Minh	20	16	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
284	24210004	Nguyễn Gia Hân	25	21	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
285	24210017	Võ Thành Hiếu	25	21	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Hải dương học
286	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	22	18	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
287	24220063	Lê Viết Khoa	20	16	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
288	24220078	Đình Trọng Nghĩa	22	18	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
289	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	22	18	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
290	24220113	Nguyễn Dạ Hoài Thương	22	18	8,81	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
291	24220130	Bùi Hữu Vinh	22	18	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
292	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	24	20	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
293	24230048	Huỳnh Nguyễn Tính	24	20	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
294	24250009	Đào Nguyễn Ngân Khánh	21	17	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
295	24250011	Đỗ Tú Nghi	21	17	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
296	24250034	Nguyễn Võ Thành Danh	21	17	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
297	24250076	Phạm Hoàn Mỹ	20	16	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
298	24250110	Võ Minh Triết	25	21	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
299	24260025	Trần Gia Hào	22	18	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
300	24260059	Trương Quang Thuận	24	20	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa

fgfd

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
301	24260063	Hoàng Ngọc Trung	20	16	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
302	24270021	Bùi Thị Linh	19	15	7,99	Khá	Xuất sắc	Khá	2.840.000	5	14.200.000	Kỹ thuật địa chất
303	24280030	Trần Ngọc Các Uyên	26	22	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
304	24280034	Đặng Thanh Huyền	24	20	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
305	24280038	Nguyễn Đăng Nhân	26	22	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
306	24280042	Quảng Diễm Quỳnh	22	18	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
307	24280080	Nguyễn Diệu Lê	26	22	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
308	24290007	Nguyễn Trọng Khoa	22	18	8,69	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
309	24290008	Lý Xuân Mai	22	18	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
310	24290009	Trần Phạm Thảo My	22	18	8,34	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
311	24290011	Ngô Ngọc Ngân	22	18	8,52	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
312	24290055	Trần Thị Quỳnh Lam	22	18	8,37	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
313	25110045	Trịnh Huy Hoàng	21	16	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
314	25110168	Trương Quang Long	21	16	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
315	25110179	Nguyễn Thị Khả Vi	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
316	25110181	Bùi Anh Tuấn	21	16	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
317	25110188	Trần Thanh Bình	21	16	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
318	25110216	Hồ Ngọc Long	21	16	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
319	25110235	Bùi Hồng Tài	21	16	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
320	25110237	Trà Minh Thiện	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
321	25110240	Lê Ngọc Bảo Trân	21	16	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
322	25110243	Ngô Phát Triển	21	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
323	25120006	Phan Gia Lộc	18	16	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
324	25120013	Nguyễn Tiến Tuấn	18	16	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
325	25120028	Nguyễn Minh Chí	18	16	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
326	25120031	Huỳnh Nguyên Cường	18	16	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
327	25120053	Bùi Chí Giang	18	16	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
328	25120150	Quách Mạnh Tuấn	18	16	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
329	25120182	Hứa Phước Duy	18	16	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

fgfd

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

24

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
330	25120241	Đặng Minh Tiền	18	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
331	25120257	Nguyễn Huỳnh Đệ	18	16	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
332	25120261	Đặng Anh Khoa	18	16	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
333	25120306	Phạm Thái Dương	18	16	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
334	25120325	Nguyễn Vinh Hoàng	18	16	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
335	25120331	Trương Văn Hùng	18	16	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
336	25120365	Trần Phước Anh Khoa	18	16	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
337	25120403	Nguyễn Minh Nhật	18	16	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
338	25120465	Nguyễn Lê Chí Tường	18	16	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
339	25120469	Đoàn Hoàng Việt	18	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
340	25120480	Nguyễn Phùng Nhật Khanh	18	16	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	25
341	25122002	Nguyễn Huỳnh Hải Long	19	19	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo	25
342	25122016	Tăng Lý Vĩnh Thành	19	19	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo	25
343	25122064	Trương Tiến Dương	19	19	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo	25
344	25122074	Đào Minh Đăng Khoa	19	19	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo	25
345	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	21	19	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
347	25130003	Đặng Hữu Thịnh	21	19	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
348	25130005	Trần Quang Đại	21	19	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
349	25130007	Châu Nguyễn Thanh Duy	21	19	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
355	25130218	Võ Quốc Kiên	21	19	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
356	25130253	Trần Thanh Sơn	21	19	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
357	25130255	Đặng Quốc Tấn	21	19	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
358	25130267	Phan Thị Thùy Trang	21	19	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học	25
346	25130002	Hoàng Trần Khánh Phong	20	18	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn	25
350	25130009	Võ Nhất Nam	20	18	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn	25
353	25130132	Võ Minh Hào	20	18	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn	25
351	25130023	Nguyễn Lê Bảo Châu	20	18	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	25
352	25130123	Phạm Hoàng Anh	20	18	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	25
354	25130173	Lê Phúc Đạt	20	18	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	25

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
359	25140001	Hoàng Gia Bảo	22	17	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
360	25140002	Lý Anh Kiệt	22	17	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
361	25140004	Đỗ Ngọc Luân	22	17	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
362	25140007	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	22	17	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
363	25140119	Trần Thiện Bảo Ngọc	22	17	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
364	25140158	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	22	17	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
365	25140159	Trần Quốc Bảo	22	17	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
366	25140174	Phạm Quang Huy	22	17	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
367	25140194	Ngô Thị Huỳnh Như	22	17	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
368	25140201	Ngô Thiên Phúc	22	17	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
369	25150001	Lê Hoài Nam	20	15	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
370	25150002	Lê Minh Đức	20	15	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
371	25150091	Lê Thị Phương Thảo	20	15	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
372	25150155	Võ Hoàng Hoài Anh	20	15	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
373	25150165	Văn Thị Thúy Diễm	20	15	8,63	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
374	25150172	Nguyễn Hải Hồ	20	15	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
375	25150181	Võ Duy Khang	20	15	8,77	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
376	25150182	Đào Anh Khôi	20	15	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
377	25150191	Vũ Ban Mai	20	15	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
378	25150207	Phạm Trường Phúc	20	15	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
379	25160003	Huỳnh Thị Ngọc Cẩm	16	14	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
380	25160052	Huỳnh Lê Bảo Ngọc	16	14	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
381	25160074	Đỗ Lê Hoàng	16	14	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
382	25160082	Nguyễn Hoàng Khuê	16	14	8,59	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
383	25160085	Nguyễn Thị Diệu Linh	16	14	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
384	25170016	Trịnh Đăng Hải	21	19	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
385	25170039	Phạm Mai Linh	21	19	8,51	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
386	25170097	Trần Ngọc Minh Châu	21	19	8,81	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
387	25170133	Nguyễn Quang Sang	21	19	8,37	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường

fgfd

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
388	25170134	Ngô Công Tài	21	19	8,93	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
389	25170142	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	21	19	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
390	25170144	Lê Thị Thùy Trang	21	19	8,33	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
391	25170145	Nguyễn Lưu Thùy Trang	21	19	8,47	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
392	25180001	Huỳnh Nhân	20	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
393	25180003	Đỗ Thanh Truyền	20	15	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
394	25180014	Huỳnh Ngọc Minh Châu	20	15	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
395	25180123	Nguyễn Phạm Minh Đạt	20	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
396	25180128	Nguyễn Lê Gia Hân	20	15	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
397	25180141	Bùi Ngọc Yến Ngân	20	15	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
398	25180152	Phạm Thị Bảo Phương	20	15	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
399	25180176	Phạm Huỳnh Bảo Trâm	20	15	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
400	25180227	Phạm Trần Hoàng Vũ	20	15	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
401	25190090	Võ Bảo Vy	19	17	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
402	25190097	Lê Thanh Long	19	17	9,21	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
403	25190131	Hồ Nhật Huy	19	17	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
404	25190135	Lê Nguyễn Hoàng Khanh	19	17	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
405	25190153	Xinh Cá Tài	19	17	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
406	25190156	Cao Đức Thịnh	19	17	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
407	25190165	Nguyễn Ngọc Thái Tú	19	17	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
408	25200019	Lê Nguyễn Trung Hiếu	23	21	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
409	25200032	Nguyễn Văn Bá Khôi	23	21	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
410	25200048	Nguyễn Bình Ánh Nhân	23	21	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
411	25200098	Nguyễn Trọng Chiến	23	21	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
412	25200139	Bùi Hữu Tài	23	21	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
413	25200145	Nguyễn Minh Triết	23	21	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
414	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	21	16	8,53	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
415	25210033	Tạ Thị Ngọc Hiền	21	16	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
416	25210034	Đàm Huy Hoàng	21	16	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học

fgfd

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

25

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
417	25220013	Nguyễn Tiến Đạt	21	19	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
418	25220035	Tào Khánh Linh	21	19	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
419	25220061	Dương Trí Thuận	21	19	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
420	25220068	Hoàng Quốc Triệu	21	19	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
421	25220089	Vũ Đức Gia Bảo	21	19	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
422	25220099	Nguyễn Lưu Mẫn	21	19	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
423	25220114	Hà Thanh Sơn	21	19	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
424	25220123	Lâm Thị Ngọc Trinh	21	19	8,83	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25
425	25230004	Trần Gia Hân	21	16	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân	25
426	25230024	Đặng Lê Huyền Trân	21	16	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân	25
427	25230036	Diệp Thị Ngọc Hân	21	16	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân	25
428	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	22	20	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu	25
429	25250069	Hoàng Kim Tân	22	20	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	25
430	25250135	Lê Nguyễn Trúc Ly	22	20	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	25
431	25250136	Trần Lê Ái My	22	20	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	25
432	25250140	Phạm Minh Quân	22	20	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	25
433	25250143	Võ Minh Tài	22	20	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	25
434	25250160	Lưu Nguyễn Thảo Vy	22	20	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu	25
435	25260018	Trần Xuân Nga	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	25
436	25260037	Nguyễn Phương Anh	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa	25
437	25270027	Trần Thị Kim Ngọc	18	16	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất	25
438	25270035	Võ Hoàng Gia Trang	18	16	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất	25
439	25280003	Trương Hồ Minh Thuận	22	17	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	25
440	25280075	Dương Đức Toàn	22	17	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	25
441	25280094	Phạm Thế Anh	22	17	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	25
442	25280102	Lê Thanh Hiếu	22	17	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	25
443	25280112	Nguyễn Minh Khôi	22	17	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu	25
444	25290039	Nguyễn Minh Tâm	21	16	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	25
445	25290065	Hồ Thiện Cảm	21	16	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	25

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH	fgfd
446	25290069	Nguyễn Ngọc Gia Hân	21	16	8,58	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	25
447	25290075	Nguyễn Phúc Kiên	21	16	8,56	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	25
448	25290088	Trần Vĩnh Thành	21	16	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường	25
449	25300031	Lê Quý Thanh Thiên	18	16	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch	25
450	25300036	Nguyễn Thị Cẩm Thy	18	16	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch	25
451	25300067	Nguyễn Anh Quân	18	16	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch	25
452	25310050	Trương Hoài Đức	20	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục	25
453	25310052	Trần Thị Phụng Nhi	20	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục	25
454	25310064	Đoàn Quân Tiến	20	18	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục	25